

Bản án số: 08/2020/HSST  
Ngày 28- 4 - 2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Văn Việt, Phó chủ tịch UBMTTQVN huyện Lệ Thủy

Bà Nguyễn Thị Hồng Minh, Phó bí thư Huyện đoàn huyện Lệ Thủy

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST – HS ngày 26/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HS ngày 10/3/2020 đối với các bị cáo:

- Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Chè, sinh ngày 26/7/2002 tại xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970; con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Hoàng Văn Đ, sinh ngày 14/7/2002 tại xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1968; con bà Mai Thị L, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng. Là bố đẻ của bị cáo, có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Văn Đ:* Bà Mai Thị L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng. Là mẹ đẻ của bị cáo, có mặt.

*Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Phan Trọng H, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Là người bào chữa cho Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

*Người làm chứng:*

Bà Trần Thị L, sinh năm 1955, nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 19/11/2019, Tổ công tác Công an huyện Lệ Thủy tuần tra kiểm soát trên địa bàn xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình phát hiện Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 73N6- 0940 chở Hoàng Văn Đ ở giữa T và Đ để một gói hàng. Thấy có dấu hiệu nghi vấn, tổ công tác đuổi theo nhằm tiếp cận để kiểm tra. Khi phát hiện có người đuổi theo ở phía sau, Tiến điều khiển xe mô tô BKS 73N6- 0940 chở theo Hoàng Văn Đ và gói hàng tăng ga bỏ chạy về hướng xã M rồi rẽ vào đường trồng thuộc xóm 2, thôn T, xã M; T dựng xe mô tô BKS 73N6- 0940 ở gần bụi chuối, Đ mang gói hàng đưa đến cất giấu ở bụi tre gần đó rồi cả hai vào nhà của bà Trần Thị Luống, sinh năm 1955 ở đội 2, thôn T, xã M để trốn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, phát hiện ở bụi tre có hai khối được bọc ni lon màu đen, bên ngoài phủ áo mưa, mở hai khối bọc nilon ra thấy bên trong có 10 hộp vỏ bằng giấy nhiều màu sắc, trên vỏ có in chữ nước ngoài “CHONGKOL” “C0833”. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, tạm giữ xe mô tô BKS 73N6- 0940 và niêm phong số tang vật nêu trên.

Việc tạm giữ, thu giữ vật chứng: Quá trình điều tra đã tạm giữ: 10 hộp chữ nhật vỏ bằng giấy nhiều màu; xe mô tô BKS 73N6- 0940 nhãn hiệu Yamaha và 01 áo khoác. Tất cả có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật. tài liệu ngày 19/11/2019.

Tại bản kết luận giám định số 983/GĐ- PC09 ngày 27/11/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu A là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ); khối lượng 13,4 kg.

Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 73N6- 0940 cho anh Nguyễn Văn Quang; tiếp tục tạm giữ và chuyển theo vụ án 12,05kg pháo nổ được hoàn trả sau giám định và 01 áo khoác.

Bản cáo trạng số: 06/CT-VKSNDLT ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Nguyễn Văn Tiến, Hoàng

Văn Đ về “Tội vận chuyển hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 36; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Tiến từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 36; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Văn Đ từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo vì các bị cáo là vị thành niên.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy khối lượng 12,05kg pháo nổ sau giám định; trả lại 01 áo khoác cho Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Các bị cáo là thanh niên chưa trưởng thành, nhận thức pháp luật còn hạn chế; mục đích vận chuyển pháo nổ để đốt trong dịp Tết cổ truyền. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; thời điểm phạm tội cũng như khi bị đưa ra xét xử các bị cáo trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, đang là học sinh nên không có thu nhập, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 36, khoản 3 Điều 54, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo 06 cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập các bị cáo để các bị cáo có cơ hội được tiếp tục đi học, rèn luyện phấn đấu thành người tốt.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát; nhất trí với lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho các bị cáo. Trong lời nói sau cùng các bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được tiếp tục học tập.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và tang vật vụ án đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ đã có hành vi vận chuyển trái phép khối lượng 13,4kg (Muời ba phẩy bốn kilôgam) pháo, theo kết luận giám định số 983/GĐ- PC09 ngày 27/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình thì số pháo này có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ). Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ phạm vào “Tội vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Pháo nổ là loại hàng hóa nhà nước cấm kinh doanh, cấm sử dụng, cấm lưu hành từ nơi này đến nơi khác, các bị cáo nhận thức rõ hành vi vận chuyển pháo là loại hàng hóa Nhà nước cấm nhưng vì động cơ cá nhân đã cố tình vi phạm pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ động liên lạc, bỏ tiền mua pháo nổ nhằm mục đích sử dụng; bị cáo Hoàng Văn Đ khi biết T mua pháo nổ không khuyên can mà còn giúp sức trong việc vận chuyển và thu giấu khi bị phát hiện. Hành vi của các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc trường hợp đồng phạm. Tuy nhiên, hành vi vận chuyển 13,4 kilôgam pháo nổ của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước trong vận chuyển hàng cấm. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự, hành vi vận chuyển pháo nổ từ 06 đến dưới 40 kilôgam thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội nhằm đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, thời điểm phạm tội cũng như khi bị đưa ra xét xử các bị cáo trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi đang là học sinh nên nhận thức pháp luật phần nào còn hạn chế và không có thu nhập, Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập các bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, phù hợp với Điều 3, Điều 36, khoản 3 Điều 54 và Điều 100 Bộ luật hình sự cũng như phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa tham gia phiên tòa.

[6] Nguyễn Văn T đã sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 73N6- 0940 của anh Nguyễn Văn Q (bố của T) làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định anh Q không biết Tiến sử dụng xe vận chuyển hàng cấm nên không phạm tội.

Đối với người đàn ông bán pháo nổ cho Nguyễn Văn T ngày 19/11/2019 đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ theo quy định của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là học sinh, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 73N6-0940 cho anh Nguyễn Văn Quang phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 13,4 kilôgam pháo nổ mẫu sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; trả lại cho Nguyễn Văn T 01 áo khoác là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, tên gọi khác: C và Hoàng Văn Đ phạm vào “Tội vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 3, Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Chè 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 3, Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt: Hoàng Văn Đ 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao Nguyễn Văn T, tên gọi khác: C và Hoàng Văn Đ cho UBND xã M, huyện L nơi các bị cáo T, Đ cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với UBND xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình trong việc giám sát, giáo dục Nguyễn Văn T và Hoàng Văn Đ.

Miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Văn Đ.

2/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, xử: Tịch thu tiêu hủy 12,05 kilôgam pháo nổ mẫu sau giám định. Trả lại cho Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Chè 01 áo khoác.

Các vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2020 giữa Công an huyện Lệ Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, tên gọi khác: C và Hoàng Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/4/2020) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Q. Bình;
- VKSND tỉnh Q. Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Q. Bình;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- ĐTV, Công an huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Mai Thủy;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Sơn**